

Số: /STP-XDKTTHPL&PBGDPL

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2021

V/v mời họp Hội đồng tư vấn thẩm định
dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở Nội vụ.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Tư pháp tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Thành phần:

1.1. Thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định được thành lập theo Quyết định số 134/QĐ-STP ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Sở Tư pháp (có Quyết định gửi kèm theo).

1.2. Tổ soạn thảo dự thảo Quyết định.

2. Thời gian, địa điểm: 14 giờ 00 phút ngày 04/6/2021, tại phòng họp tầng 2, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp đề nghị Quý cơ quan tại Mục 1.1 cử đại diện tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định dự họp; đề nghị các đại biểu nêu tại Mục 1 Công văn này nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến để phát biểu tại cuộc họp.

(Có Tài liệu họp tư vấn thẩm định gửi qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành của Quý cơ quan và đăng tải trên trang <http://tuphaptuyenquang.gov.vn>, Mục xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản)

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Đề mời);
 - Văn phòng Sở (Chuẩn bị);
 - Trang TTĐT STP (Đăng tải);
 - Lưu: VT- XDKTTHPL&PBGDPL.
- Loan 2b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

QUYẾT ĐỊNH**Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang****GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**

Căn cứ Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Hội đồng*), gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Tư pháp.
2. Mời đại diện các cơ quan tham gia thành viên của Hội đồng:
 - 2.1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2.2. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh.

2.3. Hội Luật gia tỉnh Tuyên Quang.

2.4. Sở Nội vụ.

2.5. Sở Tài chính.

2.6. Văn phòng UBND tỉnh.

3. Thành viên kiêm thư ký Hội đồng: Bà Nguyễn Ngọc Loan, Phó trưởng Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

1. Nhiệm vụ của Hội đồng:

Tư vấn thẩm định dự thảo văn bản, thống nhất kết quả thẩm định dự thảo văn bản và nêu rõ ý kiến về việc dự thảo văn bản đủ điều kiện hay không đủ điều kiện trình UBND tỉnh.

2. Quyền hạn của Hội đồng:

Yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày nội dung cơ bản của dự thảo văn bản, chất vấn cơ quan chủ trì soạn thảo về các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 130 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, các vấn đề còn có ý kiến chưa rõ ràng, chưa thống nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng:

- a) Có trách nhiệm tổ chức, chủ trì cuộc họp của Hội đồng;
- b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Hội đồng;
- c) Quyết định các vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng:

- a) Chuyển hồ sơ thẩm định cho các thành viên Hội đồng;
- b) Ghi biên bản họp thẩm định, tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo thẩm định;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng:

- a) Nghiên cứu dự thảo văn bản trước khi tổ chức cuộc họp Hội đồng;

b) Tham gia và cho ý kiến tư vấn thẩm định dự thảo văn bản; trường hợp không thể tham gia cuộc họp của Hội đồng phải được sự nhất trí của Chủ tịch Hội đồng và gửi Chủ tịch Hội đồng ý kiến của mình bằng văn bản;

c) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ông, Bà có tên tại Điều 1, Trưởng phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật và các phòng, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BTC Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Các Sở: TC; NV;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Tổ soạn thảo (để biết);
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
Loan.2b.

(Phối
hợp)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

Số: /TTr-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

- Khoản 2 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau: “*Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh*”.

- Điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, như sau:

“1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở”.

- Điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp, như sau:

“1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

c) Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Tư pháp, dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo quy định pháp luật”.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sửa đổi, bổ sung quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang).

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 07/2020/TT-BTP Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Theo đó, một số nội dung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp được quy định tại Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã không còn phù hợp.

Từ các vấn đề nêu trên thì việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

II. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Các văn bản pháp luật làm căn cứ để soạn thảo, trình ban hành văn bản gồm:

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020

3. Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

4. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

6. Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

8. Các văn bản pháp luật về lĩnh vực tư pháp.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021, Sở Tư pháp đã thành lập Tổ soạn thảo văn bản và ban hành Kế hoạch soạn thảo dự thảo văn bản. Tổ soạn thảo văn bản đã tổ chức thu thập, nghiên cứu các văn bản pháp luật và tài liệu liên quan, xây dựng dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số 286/STP-VP về việc đề nghị đăng tải dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số 326/STP-VP gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả, Sở Tư pháp đã nhận được văn bản tham gia ý kiến của 22/26 cơ quan, đơn vị, trong đó có 18 cơ quan, đơn vị nhất trí hoàn toàn với dự thảo Quyết định; 04 cơ quan có ý kiến tham gia đóng góp vào dự thảo Quyết định. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Quyết định.

- Ngày 6 năm 2021, Sở Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang với sự tham gia của đại diện các cơ quan: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Hội Luật gia tỉnh.... và kết luận dự thảo Quyết định được soạn thảo đúng trình tự, thủ tục; nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và đủ điều kiện trình UBND tỉnh.

Căn cứ Báo cáo thẩm định số/BC-STP ngày/2021 Kết quả thẩm định Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang và ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản, Sở Tư pháp đã tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Dự thảo Quyết định gồm 05 điều, cụ thể:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2: Vị trí, chức năng
- Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn
- Điều 4: Cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp
- Điều 5: Trách nhiệm thực hiện
- Điều 6: Điều khoản thi hành

2. Về cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp trong dự thảo Quyết định

2.1. Về cơ cấu Lãnh đạo Sở gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc Sở.

2.2. Về cơ cấu tổ chức bên trong của Sở Tư pháp

Về cơ bản, giữ nguyên cơ cấu, tổ chức của Sở Tư pháp theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, trong

đó có điều chỉnh giảm 01 Phó giám đốc Sở; không quy định số lượng cấp phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở; không quy định số lượng người làm việc tối thiểu của Thanh tra Sở; không quy định cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, cụ thể:

2.2.1. Lãnh đạo Sở, gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc¹.

2.2.2.

2. Các đơn vị thuộc Sở (mỗi đơn vị có tối thiểu 05 biên chế công chức trở lên, trừ Thanh tra Sở)², gồm :

a) Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật, cơ cấu gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, chuyên viên.

b) Phòng Hỗ trợ và Hành chính tư pháp, cơ cấu gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, chuyên viên.

c) Văn phòng Sở, cơ cấu gồm: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ, nhân viên (nếu có).

d) Thanh tra Sở, cơ cấu gồm: Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên hoặc chuyên viên³.

2.2.3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

a) Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (nhà nước đảm bảo chi thường xuyên);

b) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (tự đảm bảo chi thường xuyên);

c) Phòng Công chứng số 1 (tự đảm bảo chi thường xuyên);

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) Dự thảo Quyết định Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (Bản giấy và bản điện tử);

¹ Giảm 01 cấp phó so với Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

² Không quy định số lượng cấp phó phòng, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Điều 13 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

³ Số lượng người làm việc tối thiểu của Thanh tra Sở Tư pháp là 05 người theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

Theo Điều 5 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP thì không có Tiêu chí thành lập Thanh tra Sở.

(2) Báo cáo thẩm định/BC-STP ngày/2021 Kết quả thẩm định Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (Bản giấy và bản điện tử);

(3) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Bản điện tử);

(4) Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (Bản điện tử)/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để trình);
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Phòng XD&KTVBQPPL;
- Lưu VT, VP.Gi

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

Số: /2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2021

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số/TTr-STP ngày tháng năm 2021 về dự thảo Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Tư pháp; các phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; pháp chế; chứng thực; nuôi con nuôi; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tư pháp khác và dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

2. Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tư pháp;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm và các đề án, dự án, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tư pháp;

c) Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Tư pháp, dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo quy định pháp luật.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tư pháp ở địa phương.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực tư pháp đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

4. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định, tham gia xây dựng, góp ý đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham gia xây dựng, góp ý, thẩm định dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật;

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc xây dựng văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết.

5. Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành pháp luật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp;

d) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xử lý văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân, các văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành;

d) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật tại khoản này theo quy định pháp luật.

7. Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

8. Về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi các chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành;

b) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan; tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh;

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật trên địa bàn theo quy định pháp luật;

đ) Theo dõi, hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và các cơ quan, đơn vị khác theo quy định pháp luật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên tại địa phương theo quy định pháp luật.

9. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định pháp luật.

10. Về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi tại địa phương;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch;

c) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch: lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch; cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định pháp luật;

d) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái với quy định pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật); đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Sở Tư pháp cấp mà phát hiện không đúng quy định pháp luật;

đ) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các việc về nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Thực hiện các nhiệm vụ để giải quyết hồ sơ xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác

nhận là người gốc Việt Nam; quản lý và lưu trữ hồ sơ, sổ sách về quốc tịch theo quy định pháp luật.

11. Về lý lịch tư pháp:

a) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ và sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi tỉnh;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án nhân dân, Việt Kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an, cơ quan Thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp; lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp theo quy định pháp luật;

c) Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền.

12. Về bồi thường nhà nước:

a) Hướng dẫn, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo quy định pháp luật;

b) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án tại địa phương;

c) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật; tham gia vào việc xác minh thiệt hại khi được cơ quan giải quyết bồi thường đề nghị; tham gia thương lượng việc bồi thường tại địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước;

đ) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường, kiến nghị thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ xem xét lại quyết định hoàn trả, giảm mức hoàn trả theo quy định pháp luật; yêu cầu thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật;

e) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

13. Về trợ giúp pháp lý

a) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, hoạt động trợ giúp pháp lý của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý;

d) Cấp, cấp lại, thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; cấp, thay đổi nội dung, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật; đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý;

đ) Công bố, cập nhật danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;

e) Lựa chọn, ký kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; thanh toán thù lao và chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; quản lý và tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc tham gia tố tụng và vụ việc đại diện ngoài tố tụng theo quy định pháp luật.

14. Về luật sư và tư vấn pháp luật:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương;

b) Cấp, cấp lại hoặc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật: cấp, cấp lại hoặc thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật;

c) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật; đề nghị Đoàn luật sư cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của luật sư, yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động khi cần thiết;

d) Cấp, cấp lại hoặc thu hồi giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân; lập danh sách, theo dõi người đăng ký hành nghề tại Đoàn luật sư tại địa phương.

15. Về công chứng:

a) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên: thực hiện đăng ký hành nghề và cấp, cấp lại thẻ công chứng viên, quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng, xóa đăng ký hành nghề, thu hồi thẻ công chứng viên; quản lý tập sự hành nghề công chứng theo quy định pháp luật;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề án thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng; trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng Văn phòng công chứng theo quy định pháp luật;

c) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng: ghi nhận thay đổi danh sách công chứng viên là thành viên hợp danh và danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng của Văn phòng công chứng; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo quy định của Luật Công chứng;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về công chứng;

đ) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng;

e) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mức trần thù lao công chứng tại địa phương;

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội công chứng viên tại địa phương⁴.

h) Chỉ định một Phòng công chứng hoặc một Văn phòng công chứng khác tiếp nhận hồ sơ công chứng trong trường hợp giải thể Phòng công chứng hoặc chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Công chứng.

16. Về giám định tư pháp:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép và thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp; chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp;

b) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp ở địa phương;

c) Đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp ở địa phương; đề xuất các giải pháp bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp theo yêu cầu của hoạt động tố tụng tại địa phương;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương theo quy định pháp luật.

17. Về đấu giá tài sản:

a) Cấp, cấp lại, thu hồi, thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ đấu giá viên;

b) Đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản;

⁴ Điểm g khoản 15 Điều 2 Thông tư số 07 quy định: Thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm đối với trường hợp địa phương chưa thành lập Hội công chứng viên;

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP quy định: “Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội công chứng viên tại địa phương”

c) Thẩm định điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến, phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến theo quy định pháp luật;

d) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản;

đ) Lập và đăng tải danh sách đấu giá viên và danh sách các tổ chức đấu giá tài sản có trang thông tin điện tử đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản.

18. Về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản:

a) Đăng ký hành nghề, lập và công bố danh sách quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

b) Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề quản tài viên theo quy định pháp luật.

19. Về hòa giải thương mại:

a) Cấp, cấp lại, đăng ký thay đổi nội dung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

b) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp;

c) Cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, tổ chức hòa giải thương mại trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp; rà soát, thống kê, báo cáo số liệu về hòa giải viên thương mại hàng năm tại địa phương.

20. Về trọng tài thương mại:

a) Cấp, cấp lại, đăng ký thay đổi nội dung giấy phép thành lập, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài;

b) Cập nhật thông tin về Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;

c) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật.

21. Về thừa phát lại:

a) Xác minh thông tin trong hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm Thừa phát lại theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; đăng ký hành nghề, cấp, cấp lại và thu hồi Thẻ Thừa phát lại; quyết định tạm đình chỉ hành nghề Thừa phát lại; lập danh sách thừa phát lại hành nghề tại địa phương và cấp Thẻ Thừa phát lại;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại ở địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chuyên nhượng, chấm dứt hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại;

c) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; quyết định tạm ngừng hoạt động Văn phòng Thừa phát lại;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về vi bằng, thực hiện đăng ký và quản lý cơ sở dữ liệu về vi bằng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

d) Quản lý về tập sự hành nghề thừa phát lại tại địa phương theo quy định pháp luật.

22. Về đăng ký biện pháp bảo đảm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thực hiện kiểm tra định kỳ các Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại địa phương theo quy định pháp luật;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho người thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương, hướng dẫn Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật, tích hợp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất vào Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm.

23. Về công tác pháp chế:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế hàng năm ở địa phương và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành;

b) Quản lý, kiểm tra công tác pháp chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành trong việc hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế đối với công chức pháp chế trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế của các doanh nghiệp nhà nước tại địa phương;

d) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế tại địa phương.

24. Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

25. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại địa phương; đề xuất việc nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau theo quy định pháp luật;

b) Phổ biến, tập huấn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

26. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

27. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tư pháp, pháp luật đối với Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

28. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

29. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

30. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật tại địa phương; thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác tư pháp theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

31. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

32. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Thanh tra và Văn phòng thuộc Sở Tư pháp; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

33. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

34. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

35. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

36. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp

1. Lãnh đạo Sở, gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc⁵.

2. Các đơn vị thuộc Sở (mỗi đơn vị có tối thiểu 05 biên chế công chức trở lên, trừ Thanh tra Sở), gồm⁶:

a) Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật, cơ cấu gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, chuyên viên.

b) Phòng Hỗ trợ và Hành chính tư pháp, cơ cấu gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, chuyên viên.

c) Văn phòng Sở, cơ cấu gồm: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ, nhân viên (nếu có).

d) Thanh tra Sở, cơ cấu gồm: Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên hoặc chuyên viên⁷.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

a) Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;

b) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;

c) Phòng Công chứng số 1;

4. Biên chế của Sở Tư pháp

a) Biên chế công chức hành chính của Sở Tư pháp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức hành chính trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh.

⁵ Giảm 01 cấp phó so với Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

⁶ Không quy định số lượng cấp phó phòng, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Điều 13 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

⁷ Số lượng người làm việc tối thiểu của Thanh tra Sở Tư pháp là 05 người theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

Theo Điều 5 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP thì không có Tiêu chí thành lập Thanh tra Sở.

b) Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp (*trừ đơn vị được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy*) do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định Quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp;

b) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Thanh tra và Văn phòng thuộc Sở Tư pháp; rà soát, sửa đổi các quy chế, quy định khác có liên quan đảm bảo cho công tác điều hành, hoạt động của Sở theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Nội vụ kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2021

2. Bãi bỏ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Như Điều 6 (thực hiện);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra và đăng tải Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Báo
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP

Tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
I	CÁC ĐƠN VỊ CÓ VĂN BẢN THAM GIA Ý KIẾN		
1	Sở Nội vụ (Văn bản số 354/SNV-TCBC ngày 28/4/2021)	<p>- Đề nghị bổ sung căn cứ soạn thảo và ban hành văn bản là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập vào mục II dự thảo Tờ trình, phần căn cứ ban hành của dự thảo Quyết định; nội dung II mục B phần thứ nhất dự thảo Đề án</p> <p>- Đề nghị Sở Tư pháp không quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở tại khoản 2 Điều 4 và điểm a, điểm b, khoản 3, Điều 4 dự thảo Quyết định vì các nội dung này thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP) và điểm a, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, bổ sung Nghị định số 120/2020/NĐ-CP vào mục II dự thảo Tờ trình, phần căn cứ ban hành của dự thảo Quyết định; nội dung II mục B phần thứ nhất dự thảo Đề án</p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia, rà soát, loại bỏ các quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, Thanh tra và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở tại khoản 2 Điều 4 và điểm a, điểm b, khoản 3, Điều 4 dự thảo Quyết định</p>

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
		<p>- Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trợ giúp pháp lý không phù hợp với quy định số lượng người làm việc tối thiểu để thành lập 01 đầu mỗi phòng và tương đương theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Tiếp thu để xây dựng dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.</p>
		<p>- Đề nghị rà soát thể thức trình bày văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 3 Điều 4 dự thảo Quyết định.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, rà soát, chỉnh sửa đảm bảo phù hợp</p>
		<p>- Đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 6 dự thảo Quyết định quy định bãi bỏ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa</p>
		<p>- Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước trong phương án sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập tại dự thảo Đề án Sở Tư pháp đề nghị giữ nguyên như hiện nay (Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ: mỗi phòng 05 viên chức) là không phù hợp quy định tiêu chí thành lập đầu mỗi phòng và tương đương tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: <i>“khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên”</i>. Đề nghị Sở Tư pháp xây dựng phương án sắp xếp phòng chuyên môn, nghiệp vụ và bố trí số lượng cấp phó người đứng đầu phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Tiếp thu để xây dựng dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.</p>
		<p>- Về phương án sắp xếp tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập đối với Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản và Phòng</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung</p>

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
		<p>Công chứng số 1 tại dự thảo Đề án: đây là 2 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, Sở Tư pháp chưa xác định số lượng người làm việc (là viên chức) và đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí thành lập của đơn vị: Đề nghị Sở Tư pháp bổ sung các căn cứ, đánh giá để xác định mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, đặc biệt là tiêu chí về số lượng người làm việc tối thiểu đối với đơn vị sự nghiệp công lập để làm căn cứ sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.</p>	
		<p>- Về số lượng Phó Giám đốc Sở tại dự kiến cơ cấu và phương án bố trí biên chế, đề nghị chỉnh sửa lại thành: <i>“a) Lãnh đạo Sở: * Cơ cấu: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc Sở. Đối với 01 Phó Giám đốc Sở đang có chủ trương điều động sang vị trí công tác khác. Trước mắt tiếp tục bố trí 03 Phó Giám đốc Sở cho tới khi UBND tỉnh thực hiện điều động cán bộ thì bố trí 02 Phó Giám đốc Sở theo Đề án được phê duyệt (tối đa 03 năm kể từ ngày giảm số lượng cấp phó phải sắp xếp lại theo quy định, khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung vượt số lượng được quy định)”</i>.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, chỉnh sửa nội dung về phương án bố trí biên chế đối với Phó Giám đốc Sở cho phù hợp.</p>
		<p>Một số nội dung, số liệu về biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại phương án sắp xếp trong dự thảo Đề án còn chưa phù hợp, đề nghị rà soát, cụ thể:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, chỉnh sửa số liệu, nội dung của Đề án đảm bảo chính xác.</p>

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
		<p>- Tổng biên chế lãnh đạo và biên chế tại Văn phòng Sở đang xác định gồm cả chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Vì vậy tổng số biên chế công chức của Sở đang là 28 biên chế, cao hơn số được UBND tỉnh giao 04 biên chế công chức.</p> <p>- Tổng số biên chế công chức bố trí tại Phòng Bổ trợ và hành chính tư pháp tại Đề án là 05 biên chế, tuy nhiên tại biểu kèm theo Đề án là 03 biên chế không đảm bảo tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở.</p>	
		<p>Căn cứ quy định của pháp luật, Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị và thẩm định về nội dung đối với dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh. Sở Nội vụ đề nghị Sở Tư pháp tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, hoàn thiện các dự thảo văn bản trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, căn cứ ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp sẽ hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh, gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.</p>
		<p>Đề nghị Sở Tư pháp bổ sung các dự thảo Quyết định trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành sau khi Đề án được duyệt quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập; quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, Thanh tra và phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia; bổ sung đầy đủ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập; quy định về số lượng cấp phó của người đứng đầu Văn phòng, Thanh tra và phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở để trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành ngay sau khi Đề án được phê duyệt</p>

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
2	Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 389/SKH-CN-VPTTr ngày 20/5/2021)	<p>Đề nghị bỏ cụm từ “trừ Thanh tra Sở” tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Quyết định vì hiện nay Thanh tra Chính phủ đã ban hành dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức chuyên ngành Thanh tra và định mức biên chế công chức trong cơ quan thanh tra nhà nước, theo đó, tại khoản 3 Điều 13 quy định về Định mức biên chế công chức đối với Thanh tra sở như sau: “<i>Tổng số công chức đảm bảo đạt tối thiểu 07 biên chế công chức đối với Thanh tra sở của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 06 biên chế công chức đối với Thanh tra sở của cấp tỉnh loại I; 05 biên chế công chức đối với Thanh tra sở của cấp tỉnh loại II và loại III.</i>”</p>	<p>Không nhất trí, vì theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP) không có quy định về tiêu chí thành lập Thanh tra Sở.</p>
		<p>Đề nghị bỏ cụm từ “cơ cấu tổ chức” tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Quyết định vì cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp đã được quy định tại khoản 3 Điều 4 của dự thảo Quyết định này, do đó, không cần thiết phải quy định lại.</p>	<p>Không tiếp thu, vì thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở thuộc Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP. Sở Tư pháp đã rà soát, loại bỏ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp tại dự thảo Quyết định để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.</p>
		<p>Bổ sung vào khoản 1 Điều 6 Quyết định cần bãi bỏ: “<i>Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang</i>”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, rà soát, bổ sung vào khoản 1 Điều 6 dự thảo Quyết định đảm bảo đầy đủ, chính xác.</p>

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
3	UBND thành phố Tuyên Quang (Văn bản số 1039/UBND-TP ngày 26/4/2021)	Đề nghị bổ sung nội dung “Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi” tại điểm 12 (công tác nuôi con nuôi), nội dung III mục B Phần I dự thảo Đề án mục 12 Công tác nuôi con nuôi tại dự thảo Đề án	Tiếp thu ý kiến tham gia, rà soát, bổ sung căn cứ pháp lý đảm bảo đầy đủ
4	Sở Tài chính (Văn bản số 654/STC-HCSN ngày 22/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản; đề nghị rà soát, chỉnh sửa kỹ thuật soạn thảo văn bản	Tiếp thu ý kiến tham gia, thực hiện rà soát, chỉnh sửa kỹ thuật soạn thảo văn bản đảm bảo chính xác
5	Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 498/STNMT-VP ngày 23/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
6	Thanh tra tỉnh (Văn bản số 183/TTr-VP ngày 23/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 618/SKH-VP ngày 26/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
8	Sở Công thương (Văn bản số 418/SCT-VP ngày 26/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
9	Sở Xây dựng (Văn bản số 662/SXD-VP ngày 26/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
10	Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn bản số 720/SNN-VP ngày 26/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
11	Sở Giao thông Vận tải (Văn bản số 520/SGTVT-VP ngày 27/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
12	Sở Ngoại vụ (Văn bản số 244/SNgV-LS ngày 27/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
13	Ban Dân tộc (Văn bản số 136/BDT-VP ngày 28/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn bản số 328/SVHTTDL-TCPC ngày 27/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
15	Sở Thông tin và Truyền thông (<i>Văn bản số 307/STTT-VP ngày 28/4/2021</i>)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo (<i>Văn bản số 480/SGDDĐT-TCCB ngày 29/4/2021</i>)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
17	Sở Y tế (<i>Văn bản số 779/SYT-TTr ngày 05/5/2021</i>)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
18	UBND huyện Chiêm Hóa (<i>Văn bản số 695/UBND-NC ngày 26/4/2021</i>)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
19	UBND huyện Sơn Dương (<i>Văn bản số 860/UBND-TP ngày 26/4/2021</i>)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
20	UBND huyện Yên Sơn (<i>Văn bản số 802/UBND-NC ngày 29/4/2021</i>)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	

STT	Cơ quan, đơn vị	Ý kiến tham gia	Ý kiến tiếp thu/giải trình của Sở Tư pháp
21	UBND huyện Hàm Yên (Văn bản số 836/UBND-TP ngày 28/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
22	UBND huyện Lâm Bình (Văn bản số 1086/UBND-NC ngày 28/4/2021)	Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản	
II	CÁC ĐƠN VỊ KHÔNG CÓ VĂN BẢN THAM GIA Ý KIẾN		
1	Ban Tổ chức Tỉnh ủy		
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh		
3	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		
4	UBND huyện Na Hang		
III	Ý kiến tham gia vào dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử tỉnh	Không nhận được ý kiến tham gia	
